

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 178/2019/HS-ST

Ngày: 20/6/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH [

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh;

Bà Lê Thị Mơi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Đào Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 206/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Văn M, sinh năm 1986 tại Thanh Hóa, Nơi ĐKKHKT: phố 5, phường Đông C, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Lê Thị N; Có vợ là Lê Thị H và có 02 con; tiền án: Ngày 22/3/2016, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 19/01/2017; tiền sự: Ngày 05/01/2018, bị UBND phường Đông Cương, thành phố Thanh Hóa ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; Nhân thân: Hiện bị cáo đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 14/2019/QĐ-TA ngày 25/01/2019 của TAND TP Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Dương Văn B - Sinh năm 1970. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã Thiệu D, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị H - Sinh năm 1987. (Có mặt).

Địa chỉ: Phố 5, phường Đông C, T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 11/11/2018, Lê Văn M, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, biển kiểm soát 36B4 - 274.60, đi từ nhà lên khu vực xã Thiệu D, thành phố T mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đi qua cửa hàng nhôm kính của anh Dương Văn B ở thôn 3, xã Thiệu D, TP T, thấy cửa mở, không có người trông coi, M dừng xe trước cửa hàng, đi vào bên trong trộm cắp 01 chiếc máy cắt nhãn hiệu Makita LW 1400, dùng để cắt nhôm, nhựa. Sau đó M đem đến bán cho một cửa hàng thu mua phế liệu được 300.000đ, số tiền này M đã mua ma túy sử dụng hết.

Tại cơ quan điều tra M khai sau khi trộm cắp được máy cắt M đem bán cho một người đàn ông thu mua phế liệu ở thôn T xã Đông L, thành phố T. Trên cơ sở lời khai của M, Cơ quan điều tra đã triệu tập ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1966, là chủ cửa hàng thu mua phế liệu có đặc điểm như M khai báo trú tại thôn T, xã Đông L, thành phố T để làm việc, đối chất với M nhưng ông T không thừa nhận mua chiếc máy cắt của M trộm cắp, tài sản hiện không thu giữ được.

Theo báo cáo của anh Dương Văn B, tài sản của gia đình anh bị mất trộm là chiếc máy cắt nhựa hiệu Makita LW 1400, anh mua năm 2017 với giá 3.500.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 225/KL-HĐĐGTS ngày 28/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 máy cắt nhãn hiệu Makita LW 1400 trị giá 3.475.800đ.

Quá trình điều tra, vợ bị cáo là chị Lê Thị H có giao nộp cho Công an vật chứng của vụ án là một chiếc xe máy nhãn hiệu Wave RSX, biển kiểm soát 36B4 - 274.60, một chiếc áo sơ mi dài tay màu xanh, một quần bò màu đen. Bộ quần áo chị Huệ giao nộp cho cơ quan công an là bộ quần áo đã qua sử dụng, bị cáo mặc để đi trộm cắp tài sản ngày 11/11/2018.

Tại bản cáo trạng số 187/CT-VKS-KT ngày 28/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân TP Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Lê Văn M về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 48 của Bộ luật hình sự đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 3.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách nhà nước chiếc xe máy BKS 36B4 - 274.60 là công cụ, phương tiện phạm tội. Tịch thu và tiêu hủy chiếc áo sơ mi dài tay màu xanh và chiếc quần bò màu đen đều đã qua sử dụng và không còn giá trị sử dụng.

Các vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung truy tố của cáo trạng và không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an TP Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP Thanh Hóa, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay Lê Văn M khai nhận: Do có mục đích chiếm đoạt tài sản nên khoảng 08 giờ ngày 11/11/2018, tại thôn 3, xã Thiệu D, thành phố T, M đã lợi dụng sơ hở của chủ tài sản, lén lút chiếm đoạt của gia đình anh Dương Văn B chiếc máy cắt nhựa nhãn hiệu Makita LW 1400 có giá trị 3.475.800đ. Tài sản sau khi chiếm đoạt Minh đã mang đi bán lấy 300.000đ chi tiêu cá nhân.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của người bị hại trong quản lý tài sản để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, thể hiện bị cáo là người rất liều lĩnh và táo bạo, coi thường pháp

luật, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Ngày 22/3/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Như vậy bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích, nhưng không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm mà lần này lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do đó lần phạm tội này, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo có một tiền sự: Ngày 05/01/2018, bị UBND phường Đông Cương, thành phố Thanh Hóa ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường số 06/QĐ-UBND.

Bị cáo có nhân thân xấu, hiện nay bị cáo đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 14/2019/QĐ-TA ngày 25/01/2019 của TAND TP Thanh Hóa.

Tuy nhiên, quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Vì vậy nên áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Bị cáo đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà bị Tòa án xử phạt tù về hành vi phạm tội được thực hiện trước thời gian chấp hành biện pháp xử lý hành chính nên bị cáo được miễn chấp hành phần thời gian còn lại trong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại Điều 117 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[5]. Về xử lý vật chứng: Chiếc xe máy nhãn hiệu Wave RSX, biển kiểm soát 36B4 - 274.60 mà chị Lê Thị H giao nộp cho cơ quan Công an là tài sản do vợ chồng bị cáo mua của anh Lê Văn N ở thôn K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa với giá 17.000.000đ, mới trả được cho anh N 10.000.000đ, còn nợ lại 5.000.000đ, giấy chứng nhận đăng ký xe hiện nay anh N vẫn đang giữ. Số tiền mua chiếc xe máy nêu trên là do chị H tiết kiệm và vay mượn mà có, bị cáo mới chấp hành án xong về địa phương, là đối tượng nghiện ma túy, chưa có công ăn việc làm và thu nhập ổn định nên chưa có đóng góp gì. Bị cáo không nói cho chị H biết việc bị cáo dùng xe máy này để đi trộm cắp tài sản. Gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, cận nghèo, chiếc xe máy

là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình. Tại phiên tòa bị cáo và chị H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe máy này cho chị H; Đối với chiếc áo sơ mi dài tay màu xanh và chiếc quần bò màu đen đều đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo vì vậy căn cứ khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để trả lại chiếc xe máy biển kiểm soát 36B4 - 274.60 cho chị Huệ, trả lại chiếc áo sơ mi dài tay màu xanh và chiếc quần bò màu đen đều đã qua sử dụng cho bị cáo.

Các vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Dương Văn B yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh số tiền 3.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đồng ý bồi thường cho anh B số tiền này. Vì vậy yêu cầu bồi thường của anh B có cơ sở để chấp nhận.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định, gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[8]. Án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo, cận nghèo vì vậy được miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 117 Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn M 15 (mười lăm) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Miễn chấp hành phần thời gian còn lại trong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 14/2019/QĐ-TA ngày 25/01/2019 của TAND TP Thanh Hóa.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho chị Lê Thị H chiếc xe máy nhãn hiệu Wave RSX biển kiểm soát 36B4 - 274.60; Trả lại cho bị cáo chiếc áo sơ mi dài tay màu xanh và chiếc quần bò màu đen đã qua sử dụng.

Các vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số: 169/THA ngày 05/6/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Văn Minh bồi thường cho anh Dương Văn B số tiền 3.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí: Bị cáo được miễn 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- VKSND, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Trần Thị Thu Phương